

	VinaCert	V01-10	Phiên bản/Revision: 07
		Ngày hiệu lực/ Date of issue: 01/12/2023	
	QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG NHẬN VIETGAP/ REGULATIONS ON VIETGAP CERTIFICATION		

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU/ DOCUMENT REVISION LOG

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ Revision summary
01/4/2018	- Ban hành mới.
24/8/2018	- Sửa đổi mục 9.3: thay đổi quy định đối với mã VietGAP trồng trọt trên Giấy chứng nhận. Nội dung thay đổi từ theo quy định của Cục trồng trọt thành "VietGAP trồng trọt: theo quy định mã chứng chỉ tại mục 6.1, V00-10. - Sửa đổi mục 8.4.2.1. Sửa đổi nội dung "Thời hạn để khắc phục điểm không phù hợp không quá 06 (sáu tháng) tháng kể từ thời điểm Quyết định đình chỉ có hiệu lực" chuyển thành "Thời hạn để khắc phục điểm không phù hợp quá 60 ngày kể từ thời điểm Quyết định đình chỉ có hiệu lực".
17/07/2020	- Sửa đổi mục 7.2: Hiệu lực của chứng nhận VietGAP Trồng trọt từ 02 năm thành 03 năm. - Sửa mục 8.3.5: Quy định rõ về chứng nhận lại- trước 03 tháng hết hạn hiệu lực của chứng nhận VietGAP. Hạn hiệu lực của giấy chứng nhận lại nối tiếp hạn hiệu lực của chứng nhận chu kỳ trước. Trường hợp khách hàng đánh giá chứng nhận lại sau khi đã hết hạn chứng nhận của chu kỳ trước thì sẽ được đánh giá như chứng nhận lần đầu.
07/7/2022	Mục 1: Bổ sung phòng CSKH. Mục 5: Sửa đổi các từ ngữ dấu chứng nhận, giấy chứng nhận, phạm vi chứng nhận. Mục 6.2: Sửa cụm từ "01 tháng cập nhật 01 lần" thành cập nhật thường xuyên. Mục 6.7.3: Sửa từ "sản phẩm" thành VietGAP. Mục 7.2: Nêu rõ ý "đánh giá giám sát quy trình/quy phạm thực hành sản xuất và có thể lấy mẫu môi trường". Mục 8: Bổ sung các bước công việc thực hiện trên phần mềm LIMS. Mục 8.2-8.3: Tách thành thêm mục 8.3 chương trình chứng nhận từ nội dung mục 8.2. Mục 8.4: Sắp xếp lại trình tự nội dung các bước công việc. Mục 8.5: Sửa đổi từ mục Thẩm tra hồ sơ thành Báo cáo kết quả theo mục 8. Mục 8.6: Sửa đổi bước công việc theo các bước trên phần mềm LIMS. Mục 8.7: Nêu rõ việc gia hạn hiệu lực GCN là áp dụng với VietGAP chăn nuôi, thủy sản. Mục 9.1.1: Thay đổi thời gian thực hiện HKP từ 03 tháng (với chứng nhận) và 28 ngày (với giám sát) thành 60 ngày và có thể xem xét được gia hạn thêm 30 ngày. Mục 9.2.1: Thay đổi thời gian đình chỉ từ 03 tháng/28 ngày thành 60 ngày. Mục 9.3: Sửa đổi một số từ ngữ cho rõ nghĩa. Mục 10: Sửa đổi form TB sử dụng dấu CN VietGAP từ F01-09-06 thành F01-10-06. Mục 10.2: Sửa đổi một số từ ngữ cho rõ nghĩa. Mục 12.2: Sửa nội dung ..về lãi suất 1,5%/tháng thành "theo nội dung nêu tại hợp đồng ký kết". Mục 13: Bổ sung mới đề mục này và F01-10-05.
27/12/2022	- Mục 8.4.2: Sửa nội dung về việc lấy mẫu thử nghiệm lại:

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ <i>Revision summary</i>
	Nếu kết quả thử nghiệm không đạt, VICB sẽ mở yêu cầu hành động khắc phục và tiến hành lấy mẫu lại để thử nghiệm cho đến khi đạt sau mỗi lần KH khắc phục xong. Thành: “Kết quả thử nghiệm lần thứ ba không đạt: VICB có văn bản thông báo cho KH về việc sản phẩm không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận” - Mục 9: Bổ sung về việc đánh giá đột xuất: VICB sẽ đánh giá đột xuất đối với quy trình/quy phạm thực hành của khách hàng khi cần điều tra về các khiếu nại hoặc yêu cầu từ cơ quan quản lý Nhà nước hay đáp ứng với các thay đổi hoặc giám sát khách hàng bị đình chỉ - Mục 9.2.1. Sửa việc đình chỉ hiệu lực Chứng nhận khi “khách hàng vi phạm quy định tại mục 8.4.1” thành “khách hàng vi phạm quy định Chứng nhận” - Mục 10.1: Bổ sung mã số chỉ định tổ chức chứng nhận VietGAP dưới logo VinaCert - F01-10-06 Thông báo sử dụng dấu chứng nhận VietGAP: bổ sung mã số chỉ định tổ chức chứng nhận VietGAP - F01-10-02b Giấy chứng nhận VietGAP chăn nuôi: bổ sung mã số chỉ định tổ chức chứng nhận VietGAP - F01-10-01 Quyết định cấp GCN VietGAP: điều chỉnh Điều 3. Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt của Công ty... chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần thành « Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt của Công ty... chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng/lần »
22/5/2023	- Mục 6.7.2: Sửa đổi Hội đồng cố vấn thành Hội đồng chứng nhận
09/6/2023	- Mục 2.1: điều chỉnh từ “VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practice) là một bộ quy trình sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đối với từng sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi (bao gồm cả nuôi trồng thủy sản)” thành: “VietGAP trồng trọt (Good Agricultural Practices for crop production) theo TCVN 11892-1:2017: Gồm những yêu cầu trong sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt để: bảo đảm an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm; sức khỏe và an toàn lao động đối với người sản xuất; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm; VietGAP thủy sản (Good Aquaculture Practices) theo TCVN 13528-1:2022: Thực hành các biện pháp nhằm đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm, sức khỏe thủy sản nuôi và giảm thiểu dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái, đảm bảo an toàn cho người lao động. VietGAHP (Vietnam Good Animal Husbandry Practices) cho chăn nuôi là quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam.” - Mục 3: bổ sung TCVN 13528-1:2022: Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) – Phần 1: Nuôi trồng thủy sản trong ao; - Mục 7.2 Điều chỉnh hiệu lực của chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn từ “02 năm (đối với VietGAHP chăn nuôi và VietGAP thủy sản) và 03 năm (đối với VietGAP trồng trọt)” thành “02 năm (đối với VietGAHP chăn nuôi và VietGAP thủy sản theo Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS) và 03 năm (đối với VietGAP trồng trọt, VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022)”. - Mục 10.3: Bổ sung quy định mã chứng chỉ VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022; - Mục 13: Thời hạn lưu hồ sơ điều chỉnh từ “4 năm (chăn nuôi, thủy sản), 6 năm (trồng trọt)” thành “4 năm (chăn nuôi, thủy sản theo Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS), 6 năm (trồng trọt, thủy sản theo TCVN 13528-1:2022)” - Sửa đổi “Tổng Cục thủy sản” thành “Cục thủy sản”

1. Phạm vi áp dụng

- 1.1. Quy định này để đánh giá chứng nhận VietGAP trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản của Công ty Cổ phần chứng nhận và giám định VinaCert (VICB).
- 1.2. Quy định này được công khai cho KH của VICB. Phòng Chứng nhận, Phòng Kinh doanh, Phòng CSKH, chuyên gia đánh giá/chuyên gia kỹ thuật có trách nhiệm hiểu kỹ quy định này.

2. Thuật ngữ, định nghĩa

- 2.1.
 - VietGAP trồng trọt (Good Agricultural Practices for crop production) theo TCVN 11892-1:2017: Gồm những yêu cầu trong sản xuất, sơ chế sản phẩm trồng trọt để: bảo đảm an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm; sức khỏe và an toàn lao động đối với người sản xuất; bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm;
 - VietGAP thủy sản (Good Aquaculture Practices) theo TCVN 13528-1:2022: Thực hành các biện pháp nhằm đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm, sức khỏe thủy sản nuôi và giảm thiểu dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái, đảm bảo an toàn cho người lao động.
 - VietGAHP (Vietnam Good Animal Husbandry Practices) cho chăn nuôi là quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam.
- 2.2. KH: Tổ chức/cá nhân đề nghị VICB chứng nhận VietGAP;
- 2.3. Chứng nhận: Sự đánh giá xác nhận của VICB đối với hoạt động của KH phù hợp với phạm vi của quy phạm VietGAP mà KH đăng ký chứng nhận;
- 2.4. Phạm vi: Quy trình/quy phạm VietGAP được phân loại theo các lĩnh vực Trồng trọt, Chăn nuôi và Nuôi trồng thủy sản.
- 2.5. Đoàn đánh giá: Một hay nhiều chuyên gia đánh giá và các thành viên khác, với sự hỗ trợ (nếu cần thiết) của các chuyên gia kỹ thuật để tiến hành cuộc đánh giá;
- 2.6. Chuyên gia đánh giá: Người có năng lực để tiến hành một cuộc đánh giá VietGAP;
- 2.7. Chuyên gia kỹ thuật (TE): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá;
- 2.8. Checklist: Bảng ghi chép diễn giải so với các tiêu chí đánh giá, bao gồm các tiêu chí đánh giá áp dụng.
- 2.9. Các từ viết tắt khác: Xem Sổ tay quản lý VMM.

3. Chuẩn mực chứng nhận

- 3.1. VICB đánh giá chứng nhận quá trình phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn/ Quy trình/ Quy phạm thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam:
 - 3.1.1. TCVN 11892-1:2017: Thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) - Phần 1: Trồng trọt.
 - 3.1.2. Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN, ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VIETGAHP) cho: bò sữa; bò thịt; dê sữa; dê thịt; lợn; gà; ngan-vịt và ong;
 - 3.1.3. Quyết định số 2509/QĐ-BNN-CN ngày 22 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chế chứng nhận và quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn, gà an toàn trong nông hộ;
 - 3.1.4. Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP);
 - 3.1.5. TCVN 13528-1:2022: Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) – Phần 1: Nuôi trồng thủy sản trong ao.

4. Nguyên tắc hoạt động của VICB

- 4.1. Đảm bảo sự độc lập, khách quan, công bằng, không thiên vị, công khai trong hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm, bảo mật các thông tin của KH và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động đánh giá.
- 4.2. VICB đảm bảo tạo điều kiện cho tất cả các bên đề nghị chứng nhận có hoạt động thuộc lĩnh vực chứng nhận đã công bố của tổ chức chứng nhận được tiếp cận với các dịch vụ của VICB và sẽ không đưa ra các điều kiện tài chính, hoặc các điều kiện khác một cách phi lý. Sự tiếp cận không phụ thuộc vào quy mô của tổ chức được chứng nhận hoặc quy chế thành viên của bất kỳ hiệp hội hoặc tập đoàn

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ <i>Revision summary</i>
	- Biểu mẫu F00-10-02a: Giấy Chứng nhận VietGAP trồng trọt: Điều chỉnh: “Chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất” thành “Chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt”, điều chỉnh lại mã số giấy chứng nhận theo V00-10; - Biểu mẫu F01-10-02b: Giấy Chứng nhận VietGAP chăn nuôi: Điều chỉnh: “Chứng nhận Quy trình chăn nuôi” thành “Chứng nhận Quy trình thực hành chăn nuôi tốt”, điều chỉnh lại mã số giấy chứng nhận theo V00-10; - Bổ sung biểu mẫu F01-10-02c: Giấy Chứng nhận VietGAP thủy sản theo QĐ số 3824/QĐ-BNN-TCTS; - Bổ sung biểu mẫu F01-10-02d: Giấy Chứng nhận VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022; - Biểu mẫu F01-10-01; F01-10-03; F01-10-04; F01-10-05: • Cập nhật các căn cứ; • Điều 1: Điều chỉnh “Quy trình/ Quy phạm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt” thành: “Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP (đối với VietGAP Trồng trọt)/ Quy trình thực hành chăn nuôi tốt VietGAP (đối với VietGAP chăn nuôi)/ Quy phạm nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP (đối với VietGAP thủy sản theo QĐ 3824)/ Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP (đối với VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022)”; • Điều 3 biểu mẫu F01-10-01, F01-10-05; điều 2 biểu mẫu F01-10-03, F01-10-04: Điều chỉnh “Quy trình.... Cho:” Thành “Quy trình/ Quy phạm/ Thực hành ... tốt cho [sản phẩm VietGAP]”; • Điều chỉnh “đối tượng” thành “sản phẩm”; bổ sung các phụ lục tương ứng theo từng quyết định; • Phần nội nhận: bổ sung 3hèm cơ quan cấp ĐKHD.
01/12/2023	- Chuyển quy định thời gian đánh giá giám sát từ mục 7 sang mục 8.7 của quy trình

Phê duyệt/ Approval	Hiệu lực/ <i>Validity</i>	Hệ thống/ Systematicity	Khả thi/ <i>Feasibility</i>
Ngày/ <i>Date</i>	01/12/2023	01/12/2023	01/12/2023
Ký tên/ Sign			
Họ Tên/ Name	Nguyễn Thị Yến	Đặng Thị Hương	Nguyễn Hoài Thu
Chức danh/ Position	Tổng Giám đốc/ General Director	Giám đốc Chứng nhận/ Certification Director	Trưởng phòng Chứng nhận/ Head of Certification Department

nào;

4.3. Tuân thủ các quy định khác về VietGAP do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Trách nhiệm của khách hàng

5.1. Tạo điều kiện để chuyên gia đánh giá của VICB tiếp cận các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho VICB để hoàn thiện quá trình đánh giá;

5.2. Cử người đại diện chịu trách nhiệm liên lạc với VICB. Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động của KH cho đoàn đánh giá;

5.3. Sử dụng Logo, dấu chứng nhận của VICB theo đúng quy định tại mục 9 của Quy định này và cam kết không gây bất kỳ sự sai lạc nào về giấy chứng nhận; Khi thay đổi phạm vi chứng nhận, mọi vật liệu quảng cáo đều thay đổi theo;

5.4. Không sử dụng chứng nhận phù hợp VietGAP cho các hoạt động ngoài phạm vi chứng nhận và không sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn trong các hoạt động mang tiếng xấu cho VICB;

5.5. Thực hiện đầy đủ các quy định của VICB, đặc biệt về việc duy trì hệ thống, chấp nhận quyết định đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn của VICB;

5.6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với VICB;

5.7. Lưu giữ hồ sơ các khiếu nại do người sử dụng sản phẩm của KH liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn đối với sản phẩm phù hợp mà VICB đã chứng nhận, đảm bảo rằng các hồ sơ này luôn sẵn có để VICB sử dụng khi có yêu cầu; đồng thời lưu lại các bằng chứng về các hành động thích hợp liên quan đến hoạt động giải quyết khiếu nại đó;

5.8. Luôn thực hiện các yêu cầu chứng nhận, bao gồm cả các thay đổi thích hợp khi VICB yêu cầu. Thực hiện hành động thích hợp liên quan đến những khiếu nại đó và mọi khiếm khuyết phát hiện thấy ở sản phẩm hoặc dịch vụ làm ảnh hưởng tới việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận. KH phải lập văn bản đối với các hành động đã thực hiện.

6. Cam kết của VICB

6.1. Thực hiện việc đánh giá, chứng nhận theo đúng yêu cầu của ISO/IEC 17065:2012 và các quy định của pháp luật;

6.2. Xây dựng và thông báo trên website <http://www.vinacert.vn> (cập nhật thường xuyên) danh mục tổ chức được VICB chứng nhận;

6.3. Bảo mật các thông tin liên quan đến KH ngoài những thông tin đã công bố ở mục 6.2.

6.4. Thông báo cho KH những ý kiến phản hồi mà VICB nhận được liên quan đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của KH;

6.5. Tuân thủ các nội quy, quy định của KH;

6.6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với KH;

6.7. Đảm bảo sự độc lập khách quan và công khai;

6.7.1. Thông qua chính sách sử dụng CGĐG của mình, thành viên trong đoàn đánh giá phải:

- Không có mối quan hệ về tài chính với KH;
- Không có mối quan hệ gia đình với các lãnh đạo chủ chốt của KH;
- Không tư vấn sản phẩm cho KH.

6.7.2. Thông qua hoạt động của Hội đồng chứng nhận. Các thành viên trong Hội đồng chứng nhận phải đảm bảo:

- Đại diện được lợi ích cho tất cả các bên;
- Không chịu các áp lực về tài chính; công việc; tình cảm trong các quyết định của mình;
- Am hiểu pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn về lĩnh vực chứng nhận.

6.7.3. Cung cấp cho KH các thông tin về chuẩn mực chứng nhận, quy định về đánh giá và chứng nhận VietGAP, thủ tục cấp, duy trì, đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và các quy định về sử dụng logo, dấu chứng nhận, phí đánh giá chứng nhận.

Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung của các tiêu chuẩn đã chứng nhận, VICB thông báo cho KH về

những chuẩn mực chứng nhận mới

6.7.4. Lập danh mục các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB tiềm ẩn những mối nguy dẫn đến sự không công bằng và biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động đánh giá của VICB.

6.7.5. Tạo điều kiện thuận lợi để KH của VICB có điều kiện tham gia quyết định lựa chọn thành phần đoàn đánh giá nếu KH nhận thấy tiềm ẩn sự không công bằng trong hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB bởi thành phần đoàn đánh giá.

6.7.6. Xây dựng cơ chế giám sát trong quá trình đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng, VICB kiên quyết không sử dụng chuyên gia đánh giá không khai báo rõ ràng quan hệ của mình với KH.

6.7.7. VICB không tham gia thiết kế, phát triển, cài đặt, duy trì, vận hành, cung cấp các sản phẩm/dịch vụ/quá trình được VICB chứng nhận.

6.7.8. VICB sẽ thông báo kịp thời về bất cứ sự thay đổi nào trong các yêu cầu chứng nhận cho KH, xem xét quan điểm của các bên liên quan, công bố công khai các thay đổi về yêu cầu và kiểm tra xác nhận việc thực hiện những điều chỉnh cần thiết của các tổ chức được chứng nhận trong khoảng thời gian mà tổ chức chứng nhận cho là phù hợp.

6.7.9. VICB cung cấp dịch vụ chứng nhận cho KH không dựa trên quy mô của KH (to hay nhỏ, ít hay nhiều nhân viên, ít hay nhiều loại sản phẩm...); Dịch vụ chứng nhận của VICB cũng không yêu cầu tới việc KH có phải là thành viên của các hiệp hội, nhóm; việc chứng nhận cho KH cũng không phụ thuộc vào số lượng chứng chỉ mà VICB đã cấp.

VICB cũng không đưa ra các đòi hỏi quá đáng về tài chính và các điều kiện khác so với các điều kiện trong các quy định, thủ tục của VICB và các yêu cầu của các tiêu chuẩn áp dụng cho việc chứng nhận.

6.8. VICB cam kết chỉ đánh giá, thẩm xét, quyết định và giám sát ở những vấn đề liên quan cụ thể đến phạm vi KH đăng ký chứng nhận.

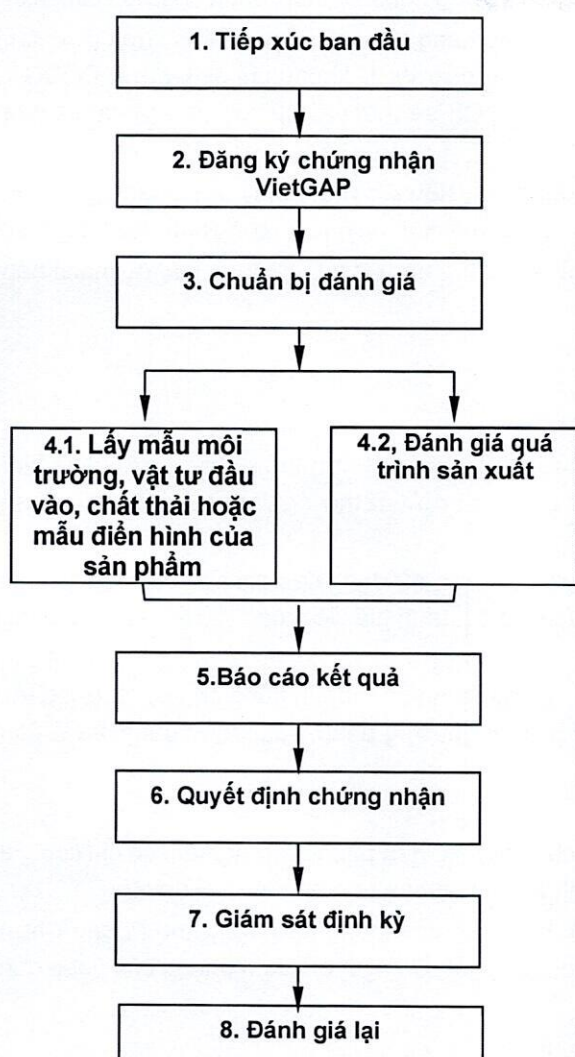
7. Hiệu lực của chứng nhận

7.1. VICB cấp chứng nhận phù hợp quy trình thực hành nông nghiệp tốt cho các sản phẩm của KH đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của quy trình VietGAP mà KH đăng ký chứng nhận.

7.2. Hiệu lực của chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn là 02 năm (đối với VietGAHP chăn nuôi và VietGAP thủy sản theo Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS) và 03 năm (đối với VietGAP trồng trọt, VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022).

8. Quy trình chứng nhận VietGAP

Lưu đồ chứng nhận VietGAP



1. Tiếp xúc ban đầu để trao đổi thông tin: Nhân viên phòng kinh doanh tiếp xúc với KH nhằm thu thập các thông tin cần thiết. Đề nghị KH hoàn thiện ĐKCN trên LIMS theo F00-17-01.
2. KH nộp bản đăng ký chứng nhận VietGAP cho VICB kèm các tài liệu liên quan theo F00-17-01. Nếu cần VICB có thể tổ chức khảo sát tại cơ sở để có những hiểu biết cơ bản về hoạt động điều hành sản xuất, trang thiết bị và sản phẩm của KH.
3. Phòng Chứng nhận liên hệ với KH hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đánh giá chứng nhận VietGAP
4. VICB sẽ tiến hành đánh giá quá trình sản xuất. VICB tiến hành lấy mẫu môi trường (đất, nước, không khí), vật tư đầu vào, chất thải hoặc mẫu điển hình của sản phẩm và xác định chỉ tiêu phân tích theo quy định tại VietGAP (trong trường hợp cơ sở sản xuất không cung cấp được kết quả phân tích hoặc kết quả phân tích không phù hợp)
VICB chỉ chấp nhận chứng nhận quy trình sản xuất phù hợp VietGAP khi:
 - Quy trình sản xuất đạt yêu cầu;
 - Kết quả thử nghiệm đạt yêu cầu;
5. Báo cáo kết quả, bao gồm báo cáo kết quả đánh giá thử nghiệm và kết quả đánh giá quá trình sản xuất.
6. Nếu kết quả thử nghiệm mẫu điển hình và quá trình sản xuất hoặc HTQLCL/điều kiện đảm bảo chất lượng của KH phù hợp với yêu cầu chứng nhận, KH sẽ được VICB cấp chứng nhận phù hợp quy trình VietGAP và cấp dấu chứng nhận VietGAP.
7. Duy trì chứng nhận: VICB sẽ tiến hành đánh giá giám sát định kỳ.
8. Đánh giá giám sát cũng có thể tiến hành lấy mẫu như đánh giá cấp chứng nhận.
9. Cấp lại giấy chứng nhận: VICB sẽ tiến hành đánh giá lại sau 02 năm (đối với VietGAHP chăn nuôi và VietGAP thủy sản theo Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS) và 03 năm (đối với VietGAP trồng trọt, VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022).

Lưu ý: Các bước công việc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thực hiện theo các biểu mẫu tương ứng được xây dựng trên phần mềm LIMS.

8.1. Đăng ký chứng nhận

8.1.1. KH cần điền đầy đủ các thông tin theo mẫu "đăng ký chứng nhận VietGAP" (F00-17-01) trên LIMS.

Chú ý: KH phải cung cấp đủ tài liệu đính kèm được liệt kê trong F00-17-01.

8.1.2. VICB tiến hành khảo sát sơ bộ khi cần thiết.

8.1.3. VICB thỏa thuận với KH về hợp đồng đánh giá chứng nhận. Các tài liệu quy định được phát triển, có hiệu lực và duy trì. Các bên có liên quan như nhà cung cấp, quản lý và người sử dụng sản phẩm cung cấp đầu vào kỹ thuật cho các tài liệu. Thời hạn hiệu lực của tài liệu phù hợp với đặc điểm của sản phẩm đăng ký chứng nhận.

8.2. Xem xét đăng ký chứng nhận

8.2.1. Nhân viên Phòng Chứng nhận tiến hành xem xét hồ sơ đăng ký chứng nhận VietGAP theo quy trình V00-17 và quy định này. Việc xem xét và kết quả xem xét được thể hiện trên phần mềm LIMS.

8.2.2. Khi cần thiết, Phòng Chứng nhận thông báo KH bổ sung, hoàn thiện hồ sơ qua phần mềm LIMS.

8.3. Chuẩn bị chương trình đánh giá

8.3.1 Phòng Chứng nhận kiến nghị thành lập đoàn đánh giá tại hiện trường: Khi KH đã sẵn sàng cho việc đánh giá chứng nhận, VICB thành lập đoàn đánh giá gồm trưởng đoàn và thành viên khác khi cần thiết.

8.3.2. Chuyên gia đánh giá được lựa chọn trên cơ sở có đủ năng lực phù hợp với lĩnh vực được đánh giá và đảm bảo tính khách quan của việc đánh giá. Trường hợp VICB không chỉ định được CGĐG có đủ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được đánh giá thì VICB sẽ mời CGKT phù hợp tham gia đoàn đánh giá;

8.3.3. VICB thông báo cho KH về thành phần đoàn đánh giá. Nếu KH nhận thấy đoàn đánh giá không đảm bảo tính khách quan thì KH có thể đề nghị và VICB sẽ xem xét thay đổi thành phần đoàn đánh giá. Việc lập chương trình đánh giá, lập kế hoạch đánh giá và thông báo kế hoạch đánh giá tới khách hàng được thực hiện qua phần mềm LIMS.

8.4. Đánh giá chứng nhận

8.4.1. Đánh giá tại hiện trường

- Phương thức đánh giá: Đánh giá quá trình sản xuất/sơ chế kết hợp thử nghiệm mẫu điển hình; giám sát thông qua đánh giá quá trình sản xuất/sơ chế kết hợp với thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất/sơ chế.

- Tùy theo đối tượng nuôi/trồng cụ thể chuyên gia đánh giá sử dụng các ghi chép được ban hành trong hướng dẫn đánh giá VietGAP từ V02-11 đến V02-13 để đánh giá việc tuân thủ theo các quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP)

- Đánh giá các điều kiện và quy định trong các quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) của KH tại hiện trường (Kế hoạch đánh giá phải thể hiện rõ phương pháp, cách thức đánh giá là đánh giá tại hiện trường).

8.4.2. Chuyển mẫu phòng thử nghiệm

- Đoàn đánh giá chuyển mẫu hoặc yêu cầu KH chuyển mẫu đến phòng thử nghiệm có chỉ tiêu giao phân tích được công nhận hoặc chỉ định để tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình/đại diện.

- Khi yêu cầu KH chuyển mẫu thì trưởng đoàn đánh giá phải thông báo ngay cho Phòng Chứng nhận biết để kết hợp theo dõi. Mẫu đến phòng thử nghiệm phải còn nguyên niêm phong của đoàn đánh giá và của KH.

- Nếu kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu quy định:

+ Kết quả thử nghiệm lần thứ nhất không đạt, VICB có văn bản thông báo cho KH về việc: Tìm hiểu nguyên nhân và có CA. KH có tối đa 60 ngày để thực hiện CA kể từ ngày nhận thông báo. Khách hàng phải thông báo cho VICB về kết quả thực hiện CA. Sau khi nhận được báo cáo CA của KH, VICB xem xét việc thực hiện CA và tiến hành lấy mẫu thử nghiệm lại.

+ Kết quả thử nghiệm lần thứ hai không đạt: Thực hiện như đối với trường hợp kết quả thử nghiệm lần thứ nhất không đạt.

+ Kết quả thử nghiệm lần thứ ba không đạt: VICB có văn bản thông báo cho KH về việc sản phẩm không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận.

Lưu ý: P.CN thông báo cho P.KD/CSKH về trường hợp phải lấy mẫu, thử nghiệm lại các sản phẩm không đạt yêu cầu.

8.5 Báo cáo kết quả

- Xem xét tại chỗ kết quả phân tích mẫu môi trường (đất, nước), vật tư đầu vào, chất thải, nước sử dụng cho xử lý sản phẩm sau thu hoạch/sơ chế (nếu có) và mẫu điển hình của sản phẩm. Mẫu phải được gửi thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định. Người lấy mẫu phải được đào tạo nghiệp vụ lấy mẫu trong trường hợp có quy định của cơ quan quản lý.

- Trong trường hợp cơ sở sản xuất cung cấp được các kết quả phân tích phù hợp của mẫu môi trường (đất, nước, không khí) hoặc nước sử dụng cho xử lý sản phẩm sau thu hoạch/sơ chế (nếu có)

và mẫu điển hình của sản phẩm (kết quả phân tích tại các phòng thử nghiệm được công nhận hoặc được Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định và kết quả phân tích trong khoảng thời gian 06 tháng trước thời điểm đánh giá, chuyên gia đánh giá có thể đề xuất chấp nhận kết quả thử nghiệm này mà không cần tiến hành lấy mẫu thử nghiệm).

- Nếu chấp nhận kết quả thử nghiệm do cơ sở cung cấp, chuyên gia phải ghi nhận lại đầy đủ thông tin về kết quả thử nghiệm và đề xuất cụ thể trong ghi chép, cũng như báo cáo về việc chấp nhận kết quả, đồng thời đề nghị KH cung cấp bản photo hoặc Scan màu Phiếu kết quả thử nghiệm để lưu hồ sơ chứng nhận. VinaCert sẽ tiến hành thẩm tra báo cáo đánh giá của chuyên gia để đưa ra kết luận cuối cùng.

- Biên bản lấy mẫu sử dụng F00-13-03; Phiếu ghi kết quả thử nghiệm tại chỗ sử dụng F00-13-07 (Trong trường hợp thử nghiệm nhanh tại hiện trường); Biên bản giao mẫu sử dụng F00-13-05 (Lưu ý, phải tiến hành ghi mã hiệu của mẫu trong biên bản lấy mẫu. Biên bản giao mẫu không được thể hiện thông tin về KH (tên, địa chỉ, ...). Khi gửi mẫu về phòng thử nghiệm, chuyên gia đánh giá phải nêu rõ chỉ tiêu cần phân tích. Việc lập biên bản lấy mẫu, giao mẫu, thử nghiệm tại chỗ được thực hiện trên phần mềm LIMS.

- Trưởng đoàn đánh giá tổ chức lập báo cáo đánh giá VietGAP theo F00-17-02, thực hiện trên phần mềm LIMS. Đoàn đánh giá lập, chuyển vào phần mềm LIMS toàn bộ hồ sơ đánh giá để Phòng Chứng nhận thẩm tra.

- Trong trường hợp KH có điểm không phù hợp, đoàn đánh giá có trách nhiệm thẩm tra HĐKP của KH và thông báo kết quả xem xét tới Phòng Chứng nhận qua LIMS.

- Việc báo cáo KQTN (khi áp dụng) cũng được thực hiện trên phần mềm LIMS.

8.6. Quyết định chứng nhận

8.6.1. Dựa trên kết quả thẩm tra hồ sơ đánh giá, Giám đốc Chứng nhận ra quyết định theo F01-10-01 trên LIMS:

- Cấp giấy chứng nhận cho KH: Phòng Chứng nhận nhập thông tin dự thảo hồ sơ cấp chứng nhận trên phần mềm LIMS gửi cho KH xác nhận. Sau khi KH xác nhận nội dung giấy chứng nhận, Phòng Chứng nhận trình Giám đốc Chứng nhận xem xét, duyệt chấp nhận Quyết định chứng nhận theo F01-10-01 và Giấy chứng nhận theo F01-10-02 trên phần mềm LIMS.

- VICB chỉ cấp giấy chứng nhận khi: KH đáp ứng toàn bộ các yêu cầu của tiêu chuẩn/quy trình/quy phạm VietGAP; thỏa thuận chứng nhận đã được ký và hoàn thành.

8.6.2. Trước khi gửi hồ sơ chứng nhận cho Khách hàng, VinaCert scan Chứng chỉ, Quyết định chứng nhận lưu trong máy chủ/icloud của Phòng chứng nhận mà không phải lưu hồ sơ giấy.

Hồ sơ chứng nhận bao gồm: 02 Giấy chứng nhận bản gốc; 01 quyết định cấp giấy chứng nhận, file hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận F01-10-06. Nếu KH đề nghị, VICB sẽ trao giấy chứng nhận VietGAP cho KH.

8.6.3. Giấy chứng nhận VICB cấp cho KH bao gồm những thông tin sau: Tên và địa chỉ của tổ chức được chứng nhận; phạm vi chứng nhận được cấp (bao gồm sản phẩm đầu ra của quy trình VietGAP; Tiêu chuẩn/quy trình/quy phạm thực hành nông nghiệp tốt của sản phẩm); ngày có hiệu lực và thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận; các thông tin khác được yêu cầu theo quy phạm VietGAP và/hoặc chương trình chứng nhận.

8.6.4. Trong trường hợp KH không đáp ứng được các yêu cầu tiêu chuẩn/quy trình/quy phạm VietGAP hoặc chương trình chứng nhận, VICB từ chối cấp giấy chứng nhận cho KH. VICB sẽ thông báo bằng văn bản/phần mềm LIMS và giải thích rõ lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho KH trong nội dung từ chối.

8.7. Duy trì chứng nhận

- KH được chứng nhận có trách nhiệm duy trì việc thực hiện quy trình thực hành sản xuất tốt, duy trì chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận.

- Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận, VICB tiến hành đánh giá giám sát nhằm xác nhận việc duy trì thực hiện quy trình thực hành sản xuất tốt. Việc đánh giá giám sát có thể được tiến hành

cùng với việc lấy mẫu điển hình/đại diện để đánh giá an toàn chất lượng sản phẩm. Chi phí thử nghiệm do KH chi trả cho VICB. Trường hợp đặc biệt, trường đoàn đánh giá có thể xác định thời điểm đánh giá giám sát gần nhất mà không phụ thuộc vào hợp đồng đã thỏa thuận.

- Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận VietGAP mà KH được chứng nhận có những thay đổi lớn về: quyền sở hữu; địa điểm; cơ cấu tổ chức; đại diện lãnh đạo; mở rộng/thu hẹp vùng nuôi trồng, sản lượng (trên 20%) hoặc phạm vi sản xuất; các nguồn lực khác có tác động quan trọng đến an toàn chất lượng sản phẩm và cập nhật quy trình VietGAP thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản/phần mềm LIMS cho VICB để VICB tiến hành đánh giá mở rộng/thu hẹp phạm vi chứng nhận. Khi đó, tổ chức được chứng nhận không được phép lưu thông sản phẩm thuộc phạm vi đã được chứng nhận VietGAP nhưng có thay đổi cho tới khi VICB xem xét và ra quyết định bằng văn bản.

- Trong trường hợp khách hàng có thay đổi về địa điểm nuôi/ trồng, VICB sẽ tiến hành đánh giá tại địa điểm nuôi/trồng mới và có thể lấy mẫu điển hình/đại diện của sản phẩm. Hạn hiệu lực của giấy chứng nhận cấp đổi theo hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp trong chu kỳ chứng nhận hiện tại.

- Khi có sự thay đổi về chuẩn mực chứng nhận (chuẩn mực được chứng nhận đã lỗi thời), VICB phải tiến hành xem xét, đánh giá lại, cấp lại giấy chứng nhận, xác định lại thời gian giám sát.

- Trong thời gian chứng nhận VietGAP có hiệu lực, VICB tiến hành đánh giá giám sát quy trình/quy phạm thực hành sản xuất và có thể lấy mẫu môi trường (đất, nước, không khí), vật tư đầu vào, chất thải và mẫu điển hình của sản phẩm, xác định chỉ tiêu phân tích theo quy định tại VietGAP (trong trường hợp cơ sở sản xuất không cung cấp được kết quả phân tích hoặc kết quả phân tích không phù hợp); phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trường hợp chưa có quy định thì theo phương pháp của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định để khẳng định quá trình sản xuất chất lượng sản phẩm luôn được duy trì, phù hợp với tiêu chuẩn/quy trình/quy phạm VietGAP tương ứng.

- Tùy thuộc vào bản chất của sản phẩm và hệ thống quản lý chất lượng/ đảm bảo chất lượng/quy trình thực hành mà KH đã thiết lập, VICB thỏa thuận chu kỳ đánh giá giám sát, Chu kỳ đánh giá giám sát phụ thuộc vào đặc tính của loại sản phẩm nhưng không quá hơn 12 tháng/lần.

- Tùy mức độ thay đổi, VICB sẽ thỏa thuận với KH về việc đánh giá giám sát bổ sung. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá giám sát bổ sung sẽ do KH chi trả.

- Giấy chứng nhận VietGAP chăn nuôi, thủy sản có thể được gia hạn tối đa 03 tháng đối với trường hợp cơ sở sản xuất không tiếp tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận.

- Cấp lại giấy chứng nhận: Trước 03 tháng hết hạn hiệu lực của chứng nhận VietGAP, VICB tiến hành đánh giá lại và cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn VietGAP tương ứng. Hạn hiệu lực của giấy chứng nhận lại nối tiếp hạn hiệu lực của chứng nhận chu kỳ trước. Trường hợp khách hàng đánh giá chứng nhận lại sau khi đã hết hạn chứng nhận của chu kỳ trước thì sẽ được đánh giá như chứng nhận lần đầu. Chi phí cho đánh giá lại được thỏa thuận lại vào thời điểm đánh giá lại.

9. Quy định về xử lý sự không phù hợp

- VICB sẽ đánh giá đột xuất đối với quy trình/quy phạm thực hành của khách hàng khi cần điều tra về các khiếu nại hoặc yêu cầu từ cơ quan quản lý Nhà nước hay đáp ứng với các thay đổi hoặc giám sát khách hàng bị đình chỉ

- Khi phát hiện ra Khách hàng không còn đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn/quy trình/quy phạm VietGAP, chuyên gia đánh giá sẽ lập báo cáo lên VICB và báo cáo chi tiết cho KH đã được chứng nhận về sự không phù hợp được phát hiện trong quá trình đánh giá.

- Trong trường hợp sự không phù hợp không được giải quyết trong thời gian quy định, VICB sẽ ban hành quyết định xử lý.

Việc xử lý sự không phù hợp sẽ tăng dần theo các mức như sau:

9.1. Cảnh báo và yêu cầu hành động khắc phục

9.1.1. Cảnh báo từ VICB

- Cảnh báo và yêu cầu hành động khắc phục sẽ được VICB đưa ra cho KH khi VICB phát hiện bất

cứ điểm không phù hợp theo yêu cầu của VietGAP. Phòng Chứng nhận sẽ thông báo tới KH bằng văn bản/phần mềm LIMS về việc cảnh cáo về sự không phù hợp ngay sau khi hoàn thành đợt kiểm tra. Cơ sở sản xuất phải báo cáo bằng văn bản/phần mềm LIMS về VICB sau khi khắc phục điểm không phù hợp.

- Nhà sản xuất, cơ sở phải thực hiện hành động khắc phục với các điểm không phù hợp được phát hiện bởi đoàn đánh giá và các yêu cầu của VICB, sau đó gửi các bằng chứng về hành động khắc phục này cho VinaCert trong thời hạn 60 ngày (kể từ khi cuộc đánh giá kết thúc). Nếu khách hàng không thực hiện các hành động trong thời hạn trên thì VICB có thể gia hạn thời hạn trên thêm 30 ngày. Sau thời hạn gia hạn mà HĐKP vẫn chưa được chấp nhận thì kết quả đánh giá chứng nhận bị hủy bỏ; khách hàng phải chịu toàn bộ chi phí cho VICB tiến hành đánh giá lại vào đợt sau.

9.1.2. Cảnh báo từ bên ngoài: Khi có thông báo của cơ quan thanh tra, kiểm tra về việc vi phạm của cơ sở sản xuất, VICB sẽ tiến hành:

- Thăm tra và đưa ra quyết định xử lý theo quy định trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được cảnh báo.
- Thông báo cho cơ quan thanh tra, kiểm tra về quyết định xử lý của VICB.

9.2. Đình chỉ chứng nhận

9.2.1. Trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ, nếu khách hàng vi phạm quy định về Chứng nhận thì chứng chỉ bị đình chỉ hiệu lực trong thời gian tối đa 60 ngày cho đến khi VICB nhận được các hành động khắc phục phù hợp. Nếu sau thời gian 60 ngày, khách hàng không có các hành động khắc phục phù hợp thì chứng chỉ sẽ bị hủy bỏ hiệu lực vĩnh viễn.

9.2.2. VICB có quyền đình chỉ một phần hoặc toàn bộ phạm vi đã được chứng nhận.

9.2.3. Thời gian đình chỉ tối đa kéo dài đến đợt đánh giá lại tiếp theo.

9.2.4. Quyết định khôi phục chứng nhận sẽ được VICB ban hành khi KH cung cấp đầy đủ bằng chứng về việc thực hiện hành động khắc phục được trong thời hạn đình chỉ (tối đa 60 ngày). Trong thời gian đình chỉ, tổ chức không được sử dụng logo/dấu chứng nhận, giấy chứng nhận VietGAP hoặc bất kỳ vật liệu hay văn bản, thông tin nào để hiểu rằng KH đang được chứng nhận VietGAP bởi VinaCert.

9.3. Hủy bỏ chứng nhận: Giấy chứng nhận VietGAP bị hủy bỏ trong trường hợp sau đây:

- Không có hành động khắc phục điểm không phù hợp đúng thời hạn sau khi bị đình chỉ chứng nhận VietGAP;
- Xin hoãn giám sát của tổ chức chứng nhận 02 (hai) lần liên tiếp không có lý do chính đáng;
- Sử dụng logo, dấu chứng nhận VietGAP, logo hoặc dấu chứng nhận của tổ chức chứng nhận không đúng với quy định của VinaCert và của cơ quan có thẩm quyền.
- Trong thời gian thực hiện các hành động khắc phục kể từ ngày Quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận VietGAP có hiệu lực, cơ sở sản xuất không được đăng ký chứng nhận VietGAP. KH chỉ có thể đăng ký chứng nhận lại sau khi đã hoàn thành hành động khắc phục.
- VICB sẽ thông báo cho cơ quan kiểm tra, thanh tra ngay sau khi ký quyết định xử lý trường hợp vi phạm của cơ sở sản xuất do cơ quan kiểm tra, thanh tra phát hiện và yêu cầu xử lý.
- KH đề nghị hủy bỏ, không duy trì chứng nhận.

9.4. Hủy xử lý: VICB sẽ hủy bỏ chế tài xử lý và khôi phục hiệu lực chứng nhận (dựa theo bằng chứng thỏa đáng và đồng sự không phù hợp) nếu cơ sở sản xuất thông báo và cung cấp bằng chứng việc thực hiện hành động khắc phục trước thời hạn cho VICB.

10. Quy định về sử dụng logo và dấu chứng nhận VietGAP

10.1. KH đã được VICB chứng nhận VietGAP có quyền sử dụng logo, dấu chứng nhận của VICB kèm theo ký hiệu của tiêu chuẩn/Quy trình/ Quy phạm tương ứng như hình dưới đây. Hướng dẫn sử dụng cụ thể tại F01-10-06 - Thông báo sử dụng dấu chứng nhận VietGAP.



Mã số TCCN



Mã chứng nhận VietGAP

10.2. KH được chứng nhận được sử dụng dấu hiệu nhận biết trên để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch thương mại của KH;

10.3. KH chỉ được sử dụng dấu hiệu nhận biết trên đối với sản phẩm đã được chứng nhận;

Mã VietGAP của KH được quy định như sau:

- VietGAP trồng trọt: theo quy định mã chứng chỉ tại phụ lục 5, V00-10.
- VietGAP chăn nuôi: VietGAP-CN- xx-yy-zz-dddd;
- VietGAP thủy sản theo QĐ 3824/QĐ-BNN-TCTS: VietGAP-TS-xx-yy-zz-dddd
- VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022: theo quy định mã chứng chỉ tại phụ lục 5, V00-10.

Trong đó:

+ xx-yy: Mã số gắn với mã số của tổ chức chứng nhận do Cục Chăn nuôi/ Cục Thủy sản cấp cho VinaCert.

+ zz: Mã số địa phương nơi đơn vị đăng ký cấp chứng nhận hoạt động theo Phụ lục 1 của Quy định này

+ dddd: Mã số của đơn vị đăng ký chứng nhận được cấp theo thứ tự từng tỉnh (số thứ tự nối tiếp theo các năm).

Khi các cơ quan chức năng có hướng dẫn cấp giấy chứng nhận VietGAP tự động (trên trang web) thì cấp số theo hướng dẫn của cơ quan chức năng đó.

Nếu VICB chứng nhận VietGAP cho một vùng nuôi/trồng có nhiều chủ sở hữu (hộ nuôi/trồng) và tất cả các hộ nuôi/trồng đều áp dụng VietGAP thì VICB sẽ chỉ cấp một mã số chứng nhận VietGAP chung, kèm theo danh sách tất cả các hộ trong vùng nuôi/trồng đó và nếu cần sẽ có mã số phụ.

- Nếu chứng nhận VietGAP cho một cơ sở sản xuất có nhiều vùng nuôi/trồng ở nhiều địa điểm khác nhau và tất cả các vùng nuôi/trồng hoặc chỉ có một số vùng nuôi/trồng của cơ sở sản xuất này được chứng nhận VietGAP thì VICB sẽ chỉ cấp một mã số chứng nhận VietGAP chung, kèm theo danh sách tất cả các vùng nuôi/trồng được chứng nhận VietGAP của cơ sở đó và nếu cần sẽ có mã số phụ.

- Trường hợp một cơ sở có nhiều vùng nuôi/trồng tại các địa điểm khác nhau và cơ sở đó chỉ đăng ký chứng nhận VietGAP cho một hoặc một số vùng nuôi/trồng mà không đăng ký cho toàn bộ các vùng nuôi/trồng thì VICB thực hiện như sau:

+ VICB chỉ cấp một mã số chứng nhận VietGAP cho cơ sở, kèm theo danh sách tất cả các vùng nuôi/trồng được chứng nhận VietGAP của cơ sở đó (Mẫu Danh sách kèm theo).

+ Danh sách kèm theo nêu trên sẽ bao gồm tất cả các vùng nuôi/trồng thuộc sở hữu của cơ sở, các vùng nuôi/trồng đã được chứng nhận VietGAP và chưa được chứng nhận VietGAP; các vùng nuôi/trồng của cơ sở sẽ gắn thêm các mã số phụ để nhận diện theo quy định của VICB để phục vụ mục đích quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm (các mã số phụ này sẽ được yêu cầu thể hiện trên hồ sơ, sổ sách, nhật ký ghi chép của từng vùng nuôi/trồng), cụ thể như sau:

- Mã số phụ được thể hiện trong phụ lục quyết định cấp chứng nhận: VietGAP-CN/TS-xx-yy-zz-dddd + số thứ tự các vùng nuôi.

Ví dụ một cơ sở có 05 vùng nuôi, mà chỉ có 03 vùng được chứng nhận VietGAP, 02 vùng nuôi không được chứng nhận VietGAP thì cấp mã số phụ cho cả 05 vùng: VietGAP-TS-xx-yy-zz-dddd – 01; VietGAP-TS-xx-yy-zz-dddd – 02; VietGAP-TS-xx-yy-zz-dddd – 03; VietGAP-TS-xx-yy-zz-dddd – 04;

- Mã số VietGAP sẽ được cấp tự động trên website của các cơ quan quản lý:

Cục Thủy sản: <http://vietgap.tongcucthuysan.gov.vn>

Cục Chăn nuôi: <http://vietgap.cucchannuoi.gov.vn>

Các bước thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chủ quản.

11. Quy định về bồi thường thiệt hại và khiếu nại

11.1. Nếu trong quá trình đánh giá chứng nhận, KH được chứng nhận đưa ra bằng chứng về việc VICB gây ra thiệt hại cho KH và đề nghị bồi thường, VICB sẽ xem xét bồi thường cho thiệt hại đó, giá trị bồi thường sẽ được VICB thỏa thuận chi tiết với KH. Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được với nhau về giá trị bồi thường thì đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết.

11.2. KH có thể khiếu nại các hoạt động liên quan đến quá trình đánh giá, chứng nhận của VICB. VICB sẽ xem xét, giải quyết khiếu nại của KH. Nếu KH không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của VICB thì KH có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

11.3. Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho nhau nếu có những yếu tố khách quan xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên nhưng phải thông báo cho nhau về các sự kiện này bằng phần mềm, fax, hay thư tín trong vòng 5 ngày kể từ ngày diễn ra.

12. Các khoản chi phí

12.1. VICB công khai bảng phí cho chương trình chứng nhận VietGAP trên website của VICB. Bảng phí VICB xây dựng bao gồm các phí cố định nhưng không bao gồm các phí không cố định như đi lại, ăn ở....

- Khoản phí chính xác cho hoạt động đánh giá, chứng nhận được xác định trong Hợp đồng. KH không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác cho VICB trừ chi phí cho đánh giá bổ sung.

- Khi cần phải thẩm tra hành động khắc phục của KH tại điểm được đánh giá, các chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia đánh giá của VICB do KH chi trả.

12.2. VICB phát hành hóa đơn tài chính cho toàn bộ chi phí đánh giá, chứng nhận của VICB. Nếu khách hàng không thanh toán trong khoảng thời gian thỏa thuận, Khách hàng phải chịu lãi suất theo nội dung nêu tại hợp đồng ký kết.

13. Hồ sơ:

TT/ No.	Hồ sơ/ Record	Mã số/ Code	Nơi lưu/ Retention place	Thời gian lưu/ Retention duration
1.	Quyết định cấp GCN VietGAP	F01-10-01	P.CN-LIMS	4 năm (chăn nuôi, thủy sản theo Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS) 6 năm (trồng trọt, thủy sản theo TCVN 13528-1:2022)
2.	Giấy chứng nhận VietGAP trồng trọt	F01-10-02a	P.CN-LIMS	Như trên
3.	Giấy chứng nhận VietGAP chăn nuôi	F01-10-02b	P.CN-LIMS	Như trên
4.	Giấy chứng nhận VietGAP thủy sản theo QĐ số 3824/QĐ-BNN-TCTS	F01-10-02c	P.CN-LIMS	Như trên
5.	Giấy chứng nhận VietGAP thủy sản theo TCVN 13528-1:2022	F01-10-02d	P.CN-LIMS	Như trên
6.	Quyết định đình chỉ hiệu lực GCN VietGAP	F01-10-03	P.CN-LIMS	Như trên
7.	Quyết định hủy bỏ hiệu lực GCN VietGAP	F01-10-04	P.CN-LIMS	Như trên
8.	Quyết định duy trì chứng nhận VietGAP	F01-10-05	P.CN-LIMS	Như trên
9.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận VietGAP	F01-10-06	P.CN-LIMS	Như trên

Phụ lục 1. Mã số địa phương

TT	Tên tỉnh	Mã vùng	TT	Tên tỉnh	Mã vùng
1.	An Giang	89	33	Kon Tum	62
2.	Bạc Liêu	95	34	Lai Châu	12
3.	Bà Rịa - Vũng Tàu	77	35	Lạng Sơn	20
4.	Bắc Cạn	06	36	Lào Cai	10
5.	Bắc Giang	24	37	Lâm Đồng	68
6.	Bắc Ninh	27	38	Long An	80
7.	Bến Tre	83	39	Nam Định	36
8.	Bình Dương	74	40	Nghệ An	40
9.	Bình Định	52	41	Ninh Bình	37
10.	Bình Phước	70	42	Ninh Thuận	58
11.	Bình Thuận	60	43	Phú Thọ	25
12.	Cao Bằng	04	44	Phú Yên	54
13.	Cà Mau	96	45	Quảng Bình	44
14.	Cần Thơ	92	46	Quảng Nam	49
15.	Đà Nẵng	48	47	Quảng Ngãi	51
16.	Đắk Lắk	66	48	Quảng Ninh	22
17.	Đắk Nông	67	49	Quảng Trị	45
18.	Đồng Nai	75	50	Sóc Trăng	94
19.	Đồng Tháp	87	51	Sơn La	14
20.	Điện Biên	11	52	Tây Ninh	72
21.	Gia Lai	64	53	Thái Bình	34
22.	Hà Giang	02	54	Thái Nguyên	19
23.	Hà Nam	35	55	Thanh Hóa	38
24.	Hà Nội	01	56	TP.Hồ Chí Minh	79
25.	Hà Tĩnh	42	57	Thừa Thiên Huế	46
26.	Hải Dương	30	58	Tiền Giang	82
27.	Hải Phòng	31	59	Trà Vinh	84
28.	Hậu Giang	93	60	Tuyên Quang	08
29.	Hòa Bình	17	61	Vĩnh Long	86
30.	Hưng Yên	33	62	Vĩnh Phúc	26
31.	Khánh Hòa	56	63	Yên Bái	15
32.	Kiên Giang	91			

Hết.